

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁT HẢI
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/DS-ST
Ngày 11-6-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Tân

Bà Đoàn Thị Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số số 07/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Số B, H, phường C, quận L, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đinh Thị P, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ D, khu B Hồ N, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Tạ Ngọc B - Luật sư, Công ty L1, Đoàn Luật sư thành phố H;

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1981, nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Văn phòng C1; địa chỉ: Số B H, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 10 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Ngày 09/6/2021, tại Văn phòng C1; địa chỉ: Số B H, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1981, nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng có ký Hợp đồng vay tài sản (tiền) số 10078/HĐVT/2021, Quyền số 04/TP/CC-SCC/HĐGD; số tiền vay 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng; thời hạn vay 01 năm; lợi nhuận được tính tương ứng với 40% lợi nhuận của Nhà hàng L2; địa chỉ: sinh năm 1981, nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng và 25% lợi nhuận của khu D, Trung tâm G tại khu vực rừng Quốc gia C2; mục đích vay để ông T đầu tư vào Nhà hàng và khu du lịch trên. Hai bên đã viết giấy biên nhận tiền vào ngày 09/6/2021.

Khi đến hạn trả nợ ngày 09/6/2022, ông T không trả gốc và lãi theo thỏa thuận và có dấu hiện sử dụng vốn góp không đúng mục đích do đó bà L yêu cầu ông T trả lại tiền gốc là 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng và tiền lãi theo hợp đồng. Tại phiên hòa giải lần 2 ngày 28/02/2024, bà L không yêu cầu ông T phải trả tiền lãi do ông T đang khó khăn.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu buộc ông T trả số tiền gốc 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng và không yêu cầu trả tiền lãi do vi phạm hợp đồng.

* Quá trình giải quyết, ông Nguyễn Minh T trình bày: Do cần vốn đầu tư làm ăn, ông đã vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị L từ năm 2018. Việc vay mượn hai bên có thiết lập thành văn bản với thời hạn thường là 01 năm. Khi kết thúc thời hạn, hai bên chốt lại số tiền còn nợ và thiết lập văn bản vay mượn tiền mới.

Trong quá trình vay mượn do dịch bệnh C - 19 ông không trả được gốc và lãi nên, số tiền lãi bị cộng dồn thành 5.300.000.000 đồng. Bà L yêu cầu ông ký hai hợp đồng trong đó hợp đồng góp vốn vào công ty Cổ phần Đ do ông với tư cách Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện ký với số tiền là 3.300.000.000 đồng và hợp đồng vay tiền mang tên cá nhân ông số tiền 2.000.000.000 đồng. Nay trước yêu cầu của bà L, ông cho rằng quá trình vay mượn từ năm 2018 đến ngày 09/6/2021 ông đã trả tổng số tiền hơn 3 tỷ đồng tiền lãi nên với yêu cầu này ông chỉ chấp nhận trả thêm 1.000.000.000 đồng, thời hạn trả là trong tháng 7 năm 2024. Ông T cũng mong muốn bà L hỗ trợ do hiện tại ông đang rất khó khăn vì do dịch bệnh C và năm 2022 nhà hàng L2 bị cháy phải đầu tư lại; đối với khu du lịch Hồ Hới do xây dựng trên đất rừng quốc gia nên giữa năm 2022 đã bị phá dỡ, không được bồi thường.

Tại phiên tòa ông T khai: Việc ký hợp đồng vay số tiền 2 tỷ đồng thực chất là hậu quả của quá trình ông vay tiền bà L từ năm 2018, ông đã sử dụng vào đầu tư vào Nhà hàng L2 và khu D, Trung tâm G rừng, thực tế vào ngày 09/6/2021 ông không nhận 2 tỷ đồng tiền từ bà L. Do việc vay, trả trước thời điểm ký hợp đồng do giấy tờ sổ sách bà L đã hủy nên ông không có căn cứ đối trừ nên ông đề nghị bà L xem xét điều kiện hiện tại để chấp nhận việc ông trả thêm 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Văn phòng C1 có văn bản thể hiện:

Hợp đồng vay tài sản số 10078/HĐVT/2021, Quyền số 04/TP/CC-SCC/HĐGD được công chứng theo yêu cầu của công **Nguyễn Minh T** và được thực hiện đúng Luật Công chứng và các quy định khác của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp; những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật đồng thời đã thực hiện đầy đủ, các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét Hợp đồng vay tiền giữa ông **T** và bà **L** là quan hệ dân sự do hai bên tự nguyện, ký kết theo đúng quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng bà **L** đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, ông **T** vi phạm nghĩa vụ trả nợ, trả lãi theo hợp đồng vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử buộc ông **Nguyễn Minh T** phải trả cho và **Nguyễn Thị L** số nợ gốc là 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng. Đối với tiền lãi nguyên đơn không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

[1] Đây tranh chấp hợp đồng vay tài sản; bị đơn sinh sống tại địa bàn **huyện C**. Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyên đơn quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình, tại phiên tòa đã có người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên đã có ý kiến bằng văn bản và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Hợp đồng vay tiền công chứng số 10078/HĐVT/2021, Quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/6/2021 được ký kết giữa bà **Nguyễn Thị L** và ông **Nguyễn Minh T**

do hai bên tự nguyện, các điều khoản trong hợp đồng đều không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự 2015. Mặc dù bị đơn cho rằng việc ký Hợp đồng trên là do bị ép buộc, số tiền trong hợp đồng bị đơn không được nhận và là số tiền gốc, lãi cộng dồn từ năm 2018, tuy nhiên quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn chỉ cung cấp được bản sao kê các giao dịch chuyển tiền giữa nguyên đơn và bị đơn nhưng không chứng minh có sự liên quan giữa các giao dịch này với hợp đồng hai bên đã ký kết nên không có cơ sở xem xét. Do vậy Hợp đồng vay tiền trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Minh T không thực hiện việc thanh toán lãi theo thỏa thuận; đến thời điểm thanh toán tiền nợ gốc, ngày 09/6/2022, ông T không trả nợ đã ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người cho vay nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 11/6/2024, ông Nguyễn Minh T còn nợ bà Nguyễn Thị L tiền gốc là 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng.

Vì vậy, và Nguyễn Thị L khởi kiện buộc ông Nguyễn Minh T trả nợ số tiền trên là có căn cứ và đúng quy định theo các Điều 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản lãi trên nợ gốc trong hạn và lãi do chậm trả gốc, nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với yêu cầu trên.

[5] Đối với ý kiến của bị đơn về việc từ năm 2018, ông và bà Nguyễn Thị L đã có giao dịch vay tiền với lãi suất cao hơn quy định, số tiền lãi ông trả bà L là trên 3 tỷ đồng; thời gian sau do dịch bệnh Covid ông không trả được lãi nên bà L đã cộng dồn cả tiền gốc, tiền lãi và yêu cầu ông thiết lập hợp đồng vay tiền trên. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án ông T chưa đưa ra chứng cứ, tài liệu chứng minh có sự liên quan, do vậy nếu sau này ông T có yêu cầu xem xét việc vay mượn giữa ông và bà L giai đoạn năm 2018, ông có thể yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 228, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 116, 117, 280, 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Q.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Minh T phải trả cho bà Nguyễn Thị L tổng số tiền là 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn xin thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của khoản tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Minh T phải chịu 72.000.000 (Bảy mươi hai triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0009876 ngày 14/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án phần có liên quan trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cát Hải;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Cát Hải;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Hưng

